

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

Tên đường	Tại Phụ lục số 2				Sửa đổi thành		
	STT	Loại đường	Hệ số	Đơn giá	Loại đường	Hệ số	Đơn giá
An Đôn 3	18	4	1,0	4.400	5	1,2	3.840
An Đôn 4	19	5	1,2	3.840	4	1,0	4.400
Lê Lộ	739	4	1,4	6.160	4	1,1	4.840
Lý Thiên Bảo	855	6	1,1	2.420	6	0,9	1.980
Nguyễn Bảo	1020	6	1,0	2.200	6	0,9	1.980
Nguyễn Huy Oánh	1080	6	0,8	1.760	6	0,9	1.980
Nguyễn Thúy	1161	4	1,1	4.840	4	0,8	3.520
Phan Liêm	1267	5	1,3	4.160	4	1,2	5.280

b) Khu vực xã Hòa Khương tại Phụ lục số 3, như sau:

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

Khu vực	Tại Phụ lục số 3				Sửa đổi thành			
	Vị trí	Khu vực	Hệ số	Đơn giá	Vị trí	Khu vực	Hệ số	Đơn giá
VI. Xã Hòa Khương 5. Các thôn: - Đường từ 2m đến dưới 3,5m	4	III	0,9	180	4	III	1,0	200

2. Sửa đổi tên “đường ĐT 604” tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND thành “đường Quốc lộ 14G”;

3. Sửa đổi tên “Đường Hoàng Văn Thái (cũ) nối dài (đoạn từ Đà Sơn đi thôn Phú Hạ, Phú Thượng)” tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND thành “Đường Hoàng Văn Thái nối dài cũ (đoạn thuộc địa phận thôn Phú Hạ và thôn Phú Thượng)”

4. Bãi bỏ giá đất đường Thích Phước Huệ, quận Sơn Trà tại số thứ tự 1532, Phụ lục số 2.

Điều 2. Bổ sung một số nội dung về giá đất ở tại Phụ lục số 2A và Phụ lục số 3A ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung khác về quy định giá đất tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2014 của UBND thành phố không trái Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.